

TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG

TỔ LỊCH SỬ-GD&ĐT

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – KHỐI 11

NĂM HỌC 2025-2026

Nội dung ôn tập từ bài 8 đến bài 12- học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau

Bài 8: MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM(TỪ THẾ KỈ III TCN – CUỐI THẾ KỈ XIX)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Sự kiện nào sau đây đã kết thúc thời kỳ Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc Việt Nam?

- A. Khởi nghĩa Phùng Hưng lật đổ ách đô hộ của nhà Đường.
- B. Khởi nghĩa Lý Bí chống nhà Lương, lập nhà nước Vạn Xuân.
- C. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 do Ngô Quyền lãnh đạo.
- D. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo kết thúc thắng lợi.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào sau đây của nhân dân Việt Nam nhằm lật đổ ách đô hộ của nhà Minh?

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn.
- B. Khởi nghĩa Tây Sơn.
- C. Khởi nghĩa Bà Triệu.
- D. Khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 3. Nội dung nào sau đây **không** phải là bối cảnh dẫn đến sự bùng nổ của phong trào Tây Sơn?

- A. Đại Việt mất độc lập, tự chủ.
- B. Đất nước bị chia cắt kéo dài.
- C. Nguy cơ bị ngoại xâm dòm ngó.
- D. Khủng hoảng về kinh tế, chính trị.

Câu 4. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, thuật ngữ “kháng chiến” được hiểu là

- A. cuộc đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ.
- B. phong trào đấu tranh của nông dân nghèo.
- C. phong trào đấu tranh của thợ thủ công.
- D. đấu tranh bảo vệ nền độc lập, chủ quyền.

Câu 5. Phong trào Tây Sơn (1771 – 1802) đã đánh bại những kẻ thù xâm lược nào?

- A. Xiêm và Thanh.
- B. Hán và Thanh.
- C. Tống và Minh.
- D. Minh và Thanh.

Câu 6. Ý nghĩa quan trọng nhất của khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ (đầu thế kỷ X) đối với dân tộc Việt Nam là gì?

- A. Giành lại nền độc lập lâu dài, bền vững.
- B. Chấm dứt thời kỳ phong kiến Bắc thuộc.
- C. Mở ra kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.
- D. Đã căn bản khôi phục chủ quyền dân tộc.

Câu 7. Thời kỳ Bắc thuộc, vũ khí quan trọng nhất để nhân dân Việt Nam đánh bại âm mưu đồng hoá của phong kiến phương Bắc là gì?

- A. Liên tục diễn ra khởi nghĩa.
- B. Có truyền thống yêu nước.
- C. Giữ được phong tục tập quán.
- D. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa.

Câu 8. Các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc (40 - 938), khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427), phong trào nông dân Tây Sơn giành được thắng lợi đều có nguyên nhân chủ quan chung là A. tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân.

- B. sự mất đoàn kết trong nội bộ kẻ xâm lược.
- C. địa hình phức tạp, khí hậu khắc nghiệt.
- D. có vũ khí hiện đại, quân đội đông đảo.

Câu 9. Từ thắng lợi của các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa trong lịch sử dân tộc Việt Nam, có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

- A. Duy trì khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
- B. Kiên trì sự lãnh đạo duy nhất của Đảng.
- C. Thực hiện tinh thần đoàn kết quốc tế.
- D. Nhờ sự giúp đỡ của nhân dân thế giới.

Câu 10. Từ thực tế lịch sử mấy ngàn năm là “hàng xóm” của Trung Quốc: Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về thái độ của chúng ta đối với quan hệ Việt – Trung ngày nay?

- A. Tích cực chuẩn bị lực lượng quân sự để sẵn sàng chiến đấu chống lại Trung Quốc.
- B. Tiến hành hợp tác, đối tác nhưng đề phòng, cảnh giác với những âm mưu của họ.
- C. Tiến hành cô lập Trung Quốc trên trường quốc tế, tìm cách liên kết với Mỹ, Nhật.
- D. Tuyên truyền, giáo dục tinh thần chống Trung Quốc một cách toàn diện, triệt để.

Câu 11 . Nối cột A và cột B sao cho đúng với công lao của các nhân vật lịch sử sau

A		B	
1	Lê Lợi	a	Đánh bại quân Nam Hán, khôi phục nền độc lập tự chủ.
2	Quang Trung	b	Lập ra nhà nước Vạn Xuân độc lập.
3	Hai Bà Trưng	c	Đánh đuổi quân Minh, khôi phục nền độc lập.
4	Lý Bí	d	Đánh bại quân Xiêm, quân Thanh.
5	Ngô Quyền	e	Mở đầu phong trào chống phong kiến phương Bắc.

- A. 1c, 2d, 3e, 4b, 5a.
- B. 1a, 2d, 3e, 4b, 5c.
- C. 1c, 2e, 3d, 4b, 5a.
- D. 1b, 2d, 3e, 4c, 5a.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm nổi bật của các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta thời kì Bắc thuộc?

- A. Liên tiếp nổ ra ở ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.
- B. Được đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng.
- C. Nhiều cuộc khởi nghĩa lập được chính quyền trong một thời gian.
- D. Mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc.

Bài 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Một trong những chính sách của Hồ Quý Ly sau khi lên ngôi năm (1400) là

- A. tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm.
- B. tạo ra cục diện chiến tranh Nam-Bắc triều.
- C. mở rộng lãnh thổ Đại Việt về phía Nam.
- D. đã thực hiện nhiều chính sách cải cách.

Câu 2. Lĩnh vực nào sau đây **không** có trong các chính sách cải cách của Hồ Quý Ly?

- A. Văn hoá - giáo dục.
- B. Chính trị - quân sự.
- C. Kinh tế - xã hội.
- D. Thể thao - du lịch.

Câu 3. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly diễn ra trong hoàn cảnh là

- A. Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- B. Nhà Trần đang giai đoạn phát triển thịnh đạt.
- C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.
- D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển nhanh.

Câu 4. Một trong những mục đích của Hồ Quý Ly khi tiến hành cuộc cải cách là

- A. tạo ra sức mạnh cho mình để cướp ngôi nhà Trần.
- B. phát triển quân sự, tăng cường phòng thủ đất nước.
- C. chuẩn bị tiêu diệt Chăm-pa và tiến đánh nhà Minh.
- D. tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân, quý tộc nhà Trần.

Câu 5. Mục đích của Hồ Quý Ly khi thực hiện chính sách bắt các nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục là

- A. tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự.
- B. làm suy yếu thế lực ủng hộ nhà Trần.
- C. hạn chế sự phát triển của Phật giáo.
- D. xóa bỏ vai trò của quan lại Phật giáo.

Câu 6. Ý nghĩa lớn nhất mà chính sách đề cao chữ Nôm của Hồ Quý Ly đem lại là

- A. củng cố tinh thần độc lập tự chủ của người Việt.
- B. tạo điều kiện để cải cách trên các lĩnh vực khác.

C. chống lại sự đồng hóa của phong kiến phương Bắc.

D. chuẩn bị cho công cuộc cải cách sâu rộng, triệt để.

Câu 7. Mục đích chính trong chính sách hạn điền mà Hồ Quý Ly đã thực hiện là

A. tăng cường tiềm lực cho giai cấp địa chủ mới.

B. hạn chế số lượng ruộng đất do quý tộc nắm giữ.

C. lấy ruộng đất của quý tộc chia lại cho nông dân.

D. thu hút thêm nhiều người ủng hộ chính quyền mới.

Câu 8. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến cuộc cải cách của Hồ Quý Ly thất bại là gì?

A. Sự uy hiếp của triều đình nhà Minh.

B. Sự chống đối của quý tộc Trần.

C. Tài chính đất nước trống rỗng.

D. Không có sự ủng hộ của nhân dân. **Câu 9.** Có nhận định cho rằng: “*Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn, kiên quyết và táo bạo*”. Nhận định trên đúng hay sai?

A. Đúng, vì quá trình và nội dung cải cách cho thấy ông có tầm nhìn và quyết đoán.

B. Đúng, vì ông đã dám thực hiện công cuộc cải cách đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

C. Sai, vì cuộc cải cách đã thất bại chứng tỏ nó chưa phù hợp với đất nước ta lúc đó.

D. Sai, vì ông đã cướp ngôi nhà Trần nên bị nhân dân ta chán ghét, không ủng hộ.

Câu 10. Bài học quan trọng nhất có thể rút ra từ sự thất bại của Hồ Quý Ly và nhà Hồ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là gì?

A. Tập hợp sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, sự ủng hộ của nhân dân.

B. Xây dựng lực lượng quân đội thường trực hùng mạnh sẵn sàng chiến đấu.

C. Tăng cường huấn luyện, xây dựng nhiều công trình để phòng thủ.

D. Đoàn kết với các nước láng giềng đặc biệt là các nước Đông Dương.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Vai trò, sức mạnh của nhà nước được tăng cường. B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

C. Lĩnh vực quân đội, quốc phòng được củng cố. D. Giúp Đại Việt thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.

Câu 12. Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

A. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.

B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.

C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.

D. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ có nhiều điểm tiến bộ, đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

Chính sách hạn điền, hạn nô đã làm suy yếu thế lực của tầng lớp quý tộc, tôn thất triều Trần, đồng thời tăng nguồn thu nhập cho Nhà nước, tăng cường quyền lực của Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.

Những cải cách trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục của Hồ Quý Ly và triều Hồ thể hiện tư tưởng tiến bộ nhằm xây dựng một nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.

Cuộc cải cách có ý nghĩa trong việc bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực của đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.

Tuy nhiên, những cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ vẫn còn chưa triệt để và kết quả trong thực tế còn hạn chế.”

(SGK Lịch sử II, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 63)

a. Cuộc cải cách đã hoàn thiện cơ cấu nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền.

b. Cuộc cải cách đã tăng cường tiềm lực đất nước để chuẩn bị đối phó với ngoại xâm.

c. Đây là cuộc cải cách tiến bộ, lớn nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

d. Thành công của cuộc cải cách đã góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hồ Quý Ly đã chấn chỉnh lại Phật giáo và Nho giáo, ông hạn chế Phật giáo, Đạo giáo, đề cao Nho giáo nhưng là Nho giáo thực dụng, chống giáo điều, kết hợp với tinh thần Pháp gia. Hồ Quý Ly là vị vua Việt Nam đầu tiên dùng chữ Nôm để chấn hưng nền văn hoá dân tộc. Hồ Quý Ly cho sửa đổi chế độ thi cử, đặt kì thi Hương ở địa phương và thi Hội ở kinh thành; mở trường học ở các lộ, phủ, châu, cử các quan giáo thụ trông coi và cấp học điền cho các địa phương. Năm 1404, nhà Hồ quy định thêm kì thi viết chữ và làm toán.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Chân trời sáng tạo, trang 66)

- A. Chữ Nôm được sáng tạo ra dưới thời nhà Hồ và được đưa vào học hành thi cử.
- B. Hồ Quý Ly rất coi trọng việc học hành thi cử để đào tạo quan lại cho triều đình.
- C. Dưới sự cai trị của Hồ Quý Ly Phật giáo không có điều kiện phát triển như trước.
- D. Nhà Hồ có đóng góp cho dân tộc nhưng cũng phải chịu trách nhiệm để mất nước

Bài 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỶ XV)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Vị vua nào trong lịch sử Việt Nam được sử gia Ngô Sĩ Liên đánh giá là “anh hùng tài lược”?

- A. Lý Nhân Tông. B. Trần Nhân Tông. C. Lê Thánh Tông. D. Đinh Tiên Hoàng.

Câu 2: Bộ luật được biên soạn dưới thời Lê Thánh Tông là

- A. Hình thư. B. Hình luật. C. Hồng Đức. D. Gia Long.

Câu 3: Bộ sử nổi tiếng được biên soạn dưới thời Lê sơ là

- A. Việt Nam sử lược. B. Đại Việt sử ký toàn thư.
- C. Việt sử tiêu án. D. Đại Việt sử ký.

Câu 4: Những năm 60 của thế kỷ XV, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách trong nhiều lĩnh vực, trọng tâm là

- A. kinh tế. B. giáo dục. C. hành chính. D. văn hóa.

Câu 5. Ý nào dưới đây **không** phải là nội dung trong cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỷ XV?

- A. Bãi bỏ chức vụ Tể tướng.
- B. Cả nước chia thành 13 đạo.
- C. Đặt ra chức vụ Đô ngự sử.
- D. Không công khai lập Thái tử.

Câu 6. Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực.
- B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.
- C. công cuộc thống nhất đất nước.
- D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 7. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương thời Lê sơ từ sau cải cách của vua Lê Thánh Tông lần lượt là

- A. đạo thừa tuyên, phủ, huyện, châu, xã.
- B. phủ Thừa Thiên, châu, huyện, xã, làng.
- C. đạo thừa tuyên, phủ, châu, hương, xã.
- D. phủ Thừa Thiên, huyện, châu, xã, làng.

Câu 8. Nhận xét nào dưới đây là **không** đúng về cuộc cải cách của Lê Thánh Tông ở thế kỷ XV?

- A. Đây là một cuộc cải cách hành chính có qui mô lớn, toàn diện và sâu sắc.
- B. Đây là một cuộc cải cách đưa nhà nước quân chủ Đại Việt đạt đến đỉnh cao.
- C. Đây là cuộc cải cách tạo điều kiện ổn định về chính trị và phát triển kinh tế.
- D. Đây là cuộc cải cách hành chính đã tạo cơ sở phân chia các tỉnh ngày nay.

Câu 9. Từ những chính sách cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỷ XV, hiện nay có thể ra bài học kinh nghiệm gì để xây dựng vào bảo vệ Tổ quốc?

- A. Coi trọng giáo dục để đào tạo nhân tài cho đất nước.
- B. Tập trung quyền lực vào tay người đứng đầu đất nước.
- C. Thường xuyên tổ chức các cuộc duyệt binh, tập trận.

D. Đưa thanh nhiên sang các nước để học tập và rèn luyện.

Câu 10. Nhận định Lê Thánh Tông là “minh quân, hùng tài đại lược” là đúng hay sai, Vì sao?

A. Đúng, vì những thành tựu mà đất nước ta đạt được dưới sự cai trị của ông.

B. Đúng, vì vua Lê Thánh Tông đã giải oan cho Nguyễn Trãi sau khi lên ngôi.

C. Sai, vì trong thời gian ở ngôi vua ông cũng đã phạm nhiều sai lầm rất lớn.

D. Sai, vì sau khi Ông mất không lâu, nhà Lê sơ rơi vào tình trạng khủng hoảng.

Câu 11. Nối cột A và cột B sao cho đúng với ý nghĩa của những chính sách trong cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ XV

A		B	
1	Lộc điền, quân điền	a	Tuyển chọn người tài ra làm quan
2	Chính sách khoa cử	b	Tập trung quyền lực vào tay vua
3	Bãi bỏ chức Tể tướng	c	Thúc đẩy kinh tế phát triển
4	Chia đất nước thành 13 đạo	d	Bảo vệ giai cấp thống trị
5	Thao luyện quân đội	e	Xóa bỏ mầm mống cát cứ
6	Ban hành luật Hồng Đức	f	Tăng cường sức mạnh quân sự

A. 1c, 2a, 3b, 4e, 5f, 6d.

B. 1c, 2d, 3b, 4e, 5f, 6a.

A. 1c, 2f, 3b, 4e, 5a, 6d.

A. 1c, 2e, 3b, 4a, 5f, 6d.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** phải là những giá trị cơ bản mà cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV mang lại?

A. Không để quyền lực tập trung quá nhiều vào một cơ quan, để ngăn chặn sự lạm quyền.

B. Xây dựng quy chế vận hành bộ máy nhà nước trên nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân.

C. Các cơ quan Nhà nước giám sát lẫn nhau để hạn chế sự lạm quyền và nâng cao trách nhiệm.

D. Thanh lọc, tinh giản một số chức quan, cơ quan và các cấp chính quyền trung gian.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao, đồng thời đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó.”

Tư liệu 2: “Bộ máy nhà nước và các quy chế của nó do Lê Thánh Tông xây dựng đã được duy trì trong nhiều thế kỉ và đã đánh dấu một thời thịnh trị trong lịch sử chế độ quân chủ phong kiến Việt Nam.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 71)

a. Tư liệu đề cập đến ý nghĩa lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ VX.

b. Lần đầu tiên trong lịch sử, hệ thống hành chính của Đại Việt đã được xây dựng.

c. Hệ thống hành chính thời Lê Sơ đã được giữ nguyên vẹn ở các triều đại tiếp theo.

d. Cuộc cải cách đã đưa chế độ quân chủ Đại Việt đạt đến đỉnh cao, chặt chẽ, hoàn bị.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cải cách dưới triều vua Lê Thánh Tông là một cuộc cải cách khá toàn diện về mọi mặt, trọng tâm là cải cách hành chính, bao gồm cả thể chế lẫn quan chế. Kết quả đã xây dựng được hệ thống hành chính thống nhất trên phạm vi cả nước theo hướng tinh gọn, phân cấp, phân nhiệm minh bạch, có sự ràng buộc và giám sát lẫn nhau, bảo đảm sự chỉ đạo và tập trung quyền lực của chính quyền trung ương và của nhà vua. Các hoạt động kinh tế, pháp luật, quân sự, văn hoá, giáo dục đều đạt được tiến bộ hơn hẳn so với các thời trước đó. Thành công của cuộc cải cách đã góp phần tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, đưa chính quyền quân chủ Lê sơ đạt đến đỉnh cao của mô hình quân chủ quan liêu chuyên chế.”

(SGK Lịch sử 11, bộ Chân trời sáng tạo, trang 70 – 71)

a. Cuộc cải cách Lê Thánh Tông thực hiện khá toàn diện và đồng bộ, nhất là hành chính.

b. Thành công của cuộc cải cách đã hoàn chỉnh bộ máy quân chủ chuyên chế tập quyền.

- c. Cuộc cải cách thành công đã góp phần xóa bỏ những mâu thuẫn giai cấp trong xã hội.
d. Đây là cuộc cải cách lớn nhất và cuối cùng trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thể hiện rõ tinh thần dân tộc của vương triều Lê sơ, đưa nhà nước Lê sơ đạt đến giai đoạn phát triển đỉnh cao, đồng thời đặt cơ sở cho hệ thống hành chính của Đại Việt nhiều thế kỉ sau đó.”

Tư liệu 2: “Bộ máy nhà nước và các quy chế của nó do Lê Thánh Tông xây dựng đã được duy trì trong nhiều thế kỉ và đã đánh dấu một thời thịnh trị trong lịch sử chế độ quân chủ phong kiến Việt Nam.”

(SGK Lịch sử 11, Bộ Cánh Diều, trang 71)

- a. Tư liệu đề cập đến ý nghĩa lịch sử cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ VX.
b. Lần đầu tiên trong lịch sử, hệ thống hành chính của Đại Việt đã được xây dựng.
c. Hệ thống hành chính thời Lê Sơ đã được giữ nguyên vẹn ở các triều đại tiếp theo.
d. Cuộc cải cách đã đưa chế độ quân chủ Đại Việt đạt đến đỉnh cao, chặt chẽ, hoàn bị.

Bài 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất của vương triều Nguyễn được tiến hành dưới thời vua

- A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Tự Đức. D. Thiệu Trị.

Câu 2: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị.
B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh
C. Bộ máy chính quyền nhà nước chưa hoàn thiện, đồng bộ
D. Đất nước đứng trước nguy cơ xâm lược từ nhà Thanh

Câu 3: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm thực hiện một trong những mục đích nào sau đây?

- A. Tập trung quyền lực vào tay vua B. Thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa
C. Ngăn ngừa nguy cơ giặc ngoại xâm D. Khôi phục nền giáo dục Nho học

Câu 4: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) tập trung vào lĩnh vực chủ yếu nào sau đây?

- A. Kinh tế B. Văn hóa C. Quốc phòng D. Hành chính

Câu 5: Nội dung nào sau đây **không** phải là hoạt động cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX?

- A. Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ
B. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô
C. Tăng cường giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan
D. Phân chia lại đơn vị hành chính ở cấp địa phương

Câu 6. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
B. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.
C. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.
D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 7. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.
B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
C. Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ.
D. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương phân quyền cao độ.

Câu 8. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. B. Bắc Thành, Gia Định thành
C. 13 đạo thừa tuyên và các phủ D. các lộ, trấn, phủ, huyện/châu

Câu 9. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh

- A. tình hình an ninh – xã hội ở nhiều địa phương bất ổn
B. bộ máy nhà nước phong kiến cơ bản đã hoàn chỉnh.
C. tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất đã khắc phục.
D. phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thâm nhập mạnh

Câu 10. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.
D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 11. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Nâng cao vai trò quản lí của chính quyền ở trung ương.
B. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
C. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng tư bản.

Câu 12. Một trong những di sản lớn nhất trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

- A. cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương.
B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.
C. tập trung cao độ quyền lực vào trong tay nhà vua.
D. ưu tiên bổ nhiệm quan lại là người ở địa phương.

Bài 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Câu 1. Biển Đông là vùng biển thuộc khu vực nào sau đây?

- A. Châu Á B. Châu Âu C. Châu Phi D. Châu Mỹ

Câu 2. Quốc gia nào sau đây nằm tiếp giáp biển Đông ở ba mặt Đông, Nam và Tây Nam?

- A. Việt Nam. B. Campuchia. C. Thái Lan. D. Philippin

Câu 3. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông thuộc chủ quyền quốc gia nào sau đây?

- A. Việt Nam. B. Thái Lan. C. Singapore. D. Trung Quốc.

Câu 4. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

- A. tập trung nhiều tuyến đường biển chiến lược.
B. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.
C. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về vị trí chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam?

- A. Là tuyến phòng thủ từ sớm, từ xa để Việt Nam bảo vệ tổ quốc.
B. Rút ngắn thời gian vận chuyển, giao lưu kinh tế được dễ dàng.
C. Là tuyến vận tải duy nhất để Việt Nam phát triển ngoại thương.
D. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với khu vực và thế giới.

Câu 6. Đối với Việt Nam, Biển Đông có vai trò quan trọng nào sau đây ?

- A. Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú để phát triển đất nước.
B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
C. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 7. Đối với Việt Nam, hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có vai trò như thế nào?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.

B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần-kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh tế.

C. Đảm bảo tốt nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.

D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 8. Đối với Việt Nam, tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa được thể hiện ở điểm nào sau đây?

A. Là tuyến đường vận tải chiến lược duy nhất từ Bắc đến Nam.

B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.

C. Có ý nghĩa về chiến lược quốc phòng, an ninh, kinh tế biển.

D. Nền tảng lớn nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 9. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong khu vực Biển Đông?

A. Giúp kiểm soát và đảm bảo an ninh cho các tuyến đường giao thông trên biển, trên không.

B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần - kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh tế tại các đảo, quần đảo.

C. Phát triển bền vững một số ngành kinh tế biển như du lịch, nuôi trồng, chế biến thủy sản.

D. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các di sản văn hóa thiên nhiên.

Câu 10. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam?

A. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông chỉ thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch.

B. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.

C. Vùng biển rộng lớn với nhiều hòn đảo là không gian trọng yếu để phát triển văn hóa.

D. Biển đảo là nguồn cung cấp lương thực chủ yếu cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam

Câu 11. Nhận xét nào sau đây **không đúng** về vai trò của các đảo, quần đảo trên biển Đông đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam?

A. Tạo thành thể phòng thủ liên hoàn, vững chắc, bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa.

B. Là cơ sở quan trọng để phát triển kinh tế biển, củng cố quốc phòng, an ninh.

C. Không gian để Việt Nam thực hiện chiến lược độc chiếm toàn bộ biển Đông.

D. Tuyến đường vận tải chiến lược để giao thương với các nước khu vực và thế giới.

Câu 12: Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

A. Đây là hai quần đảo duy nhất thuộc khu vực Biển Đông

B. Đây là hai quần đảo lớn nhất thuộc khu vực Biển Đông

C. Phục vụ tuyến hàng hải huyết mạch trên Biển Đông

D. Là nơi tiếp nhiên liệu duy nhất cho các tàu trên biển

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Phân tích vai trò và ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam?

✓ **Vai trò**

- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là cuộc chiến tranh chính nghĩa, chống các cuộc chiến tranh của các nước lớn với những đạo quân xâm lược khổng lồ có vai trò đặc biệt quan trọng trên nhiều mặt...
- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò đặc biệt đối với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam...
- Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có tác động lớn đến quá trình hình thành quốc gia, dân tộc; đến tiến trình lịch sử dân tộc và chính sách quản lý đất nước...
- Kết quả của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng ảnh hưởng đến tính chất xã hội và công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, văn hóa...
- Thắng lợi của những cuộc kháng chiến góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập, giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xây dựng, phát triển đất nước ...

✓ **Ý nghĩa:**

- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam...

- Các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng góp phần khơi dậy và củng cố tinh thần đoàn kết, lòng tự hào dân tộc...
- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc để lại nhiều bài học kinh nghiệm sâu sắc cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. ..

Câu 2: Khái quát diễn biến chính và rút ra đặc điểm của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)?

✓ **Diễn biến chính:**

- Từ 1418 - 1423, khởi nghĩa bùng nổ... quân Minh tổ chức tấn công... Năm 1423, Lê Lợi đề nghị tạm hòa...
- Từ 1424 - 1426, nghĩa quân làm chủ nhiều vùng... tấn công ra Bắc.
- Từ 1426 - 1427, đấu tranh và giành thắng lợi (trận Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng - Xương Giang...)

✓ **Đặc điểm:**

- Hoàn cảnh: đất nước mất độc lập, chịu sự thống trị hà khắc của nhà Minh.
- Nhiệm vụ: chống quân Minh, khôi phục lại độc lập dân tộc.
- Lãnh đạo: quy tụ được nhiều tướng giỏi (Lê Lợi, Nguyễn Trãi...)
- Thời gian: kéo dài.
- Lực lượng tham gia: thu hút đông đảo quần chúng nhân dân.
- Tính chất: giải phóng dân tộc, mang tính nhân dân sâu sắc.
- Kết quả: thắng lợi.

Câu 3: Trình bày kết quả và ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX?

- **Kết quả:**

- o Xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ (vua nắm trong tay quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và thống lĩnh quân đội)
- o Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
- o Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ
- o Phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ các cơ quan

- **Ý nghĩa:**

- o Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính, làm cho hoạt động của bộ máy nhà nước có hiệu quả hơn trước.
- o Để lại nhiều bài học kinh nghiệm đối với tổ chức hoạt động của bộ

máy nhà nước.

Câu 4: Một số bài học kinh nghiệm từ cuộc cải cách Minh Mạng có thể vận dụng, kế thừa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay như thế nào?

- **Trên lĩnh vực chính trị:**

- + Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước; Xây dựng cơ cấu bộ máy nhà nước đơn gọn nhẹ, chặt chẽ
- + Phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước theo nguyên tắc “chức vụ và trách nhiệm nghiêm minh, quyền lợi và nghĩa vụ tương xứng”.
- + Chú trọng hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn nhân tài vào đảm đương các chức vụ trong bộ máy hành chính nhà nước.
- + Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát các cơ quan hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức có hiệu quả.
- + Mở rộng diện và đối tượng áp dụng chế độ “hồi ty” để giảm bớt những tiêu cực trong nền hành chính nhà nước.

- **Trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục:**

- + Chú trọng phát triển giáo dục và trọng dụng nhân tài

Câu 5: Em hãy giải thích tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo của Việt Nam ở Biển Đông.

- Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền của Tổ quốc... Cụ thể:

- + Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo ra cơ sở để phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển như: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản; vận tải hàng hải và du lịch biển...
- + Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến đường hàng hải huyết mạch trên Biển Đông...
- + Hệ thống đảo, quần đảo ở vùng biển Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh...
- + Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền...

Câu 6: Vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương?

- Biển Đông là tuyến đường di chuyển ngắn nhất nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương...
- Các nước giáp ranh Biển Đông đều có các hoạt động thương mại hàng hải, khai thác hải sản và dầu khí rất sôi động trên vùng biển này...
- Các cảng biển lớn trên Biển Đông là điểm trung chuyển của tàu thuyền, trao đổi và bốc dỡ hàng hóa quan trọng như cảng: Xin-ga-po, Ku-an-tan, Ma-ni-la, Đà Nẵng, Hồng Công...
- Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số khu vực châu Á- Thái Bình Dương...
- Các nước Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích trực tiếp từ Biển Đông trong phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội...

----HẾT----